TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 297/2022/DS-ST
Ngày: 28/9/2022
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Thọ
- Ông Phạm Ngọc Đông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Trần Thị Thoa - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2022/QĐXX - ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 84 VB, TP. Q, tỉnh Bình Định.

- Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Đình P, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 7, Khu phố 1, P. BTX, TP. Q, tỉnh Bình Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022).

- *Bị đơn*: Anh Châu Đình L, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 34, KV4, P. QT, TP. Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Hoàng Thị Huyền Tr, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 34, KV4, P. QT, TP. Q, tỉnh Bình Định.

2. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 84 VB, TP. Q, tỉnh Bình Định

(Anh P, chị Tr, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đình P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị T và anh Châu Đình L quen biết nhau thông qua bạn bè. Do đó, sáng ngày 24/10/2019 anh L đến nhà chị T mượn số tiền 50.000.000 đồng, mục đích là để chữa bệnh cho con và hẹn 4 tháng trả. Chiều cùng ngày, anh L mượn thêm chị T số tiền 50.000.000 đồng và vẫn chưa trả tiền cho chị T như đã hẹn. Ngày 27/3/2020 anh L tiếp tục mượn chị T số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 3 lần mượn là 150.000.000 đồng và hẹn 1 tháng sẽ trả số tiền trên. Khi mượn hai bên có viết giấy, anh L là người trực tiếp viết giấy mượn và ký tên, cả 03 lần mượn tiền đều ghi chung vào một giấy. Vì là chỗ quen biết nên hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Tất cả những lần mượn tiền trên, chị T là người trực tiếp giao tiền cho anh L. Thời điểm anh L mượn tiền chỉ có chị T và anh L ngoài ra không có ai chứng kiến. Khi chị T cho anh L mượn tiền, chồng chị T là anh Nguyễn Thế H có biết. Tuy nhiên nguồn tiền mà chị T cho anh L mượn là tiền riêng và tài sản riêng của chị T.

Từ ngày mượn tiền đến nay anh L chưa trả cho chị T tiền gốc như đã thỏa thuận. Mặc dù chị T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng anh L hứa hẹn và không trả. Nay chị T khởi kiện yêu cầu anh Châu Đình L phải có nghĩa vụ trả cho chị T một lần số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 28/4/2020 đến ngày 25/10/2021. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải, chị T yêu cầu anh L trả tiền lãi cho chị T với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 28/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Châu Đình L nhưng anh L không đến Tòa và không có ý kiến phản hồi. Do anh L không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Hoàng Thị Huyền Tr trình bày: Chị là vợ của anh Châu Đình L. Trong thời gian anh L công tác tại Công an tỉnh B, chị có nghe người thân trong gia đình

nói anh L vay tiền của chị T. Tuy nhiên, chị không biết anh L vay số tiền bao nhiêu, mục đích vay để anh L chi tiêu cho cá nhân mình. Nay chị T yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền gốc là 150.000.000 đồng và trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 28/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Thế H trình bày: Anh là chồng của chị T. Theo thông báo thụ lý của Tòa án thì chị T khởi kiện yêu cầu anh Châu Đình L trả tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi. Anh xác định số tiền gốc 150.000.000 đồng là tài sản riêng của chị T và chị T có toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt số tiền trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:*

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc anh Châu Đình L phải có nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền này từ ngày 28/4/2020 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi mở phiên tòa, anh Lê Đình P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Thế H, chị Hoàng Thị Huyền T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Châu Đình L không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L không

có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 24/10/2019 anh Châu Đình L mượn chị T 50.000.000 đồng, mục đích là để chữa bệnh cho con và hẹn 4 tháng trả. Chiều cùng ngày, anh L mượn thêm chị T 50.000.000 đồng. Sau đó, anh L vẫn chưa trả tiền cho chị T như đã hẹn. Ngày 27/3/2020 anh L tiếp tục mượn chị T số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần mượn là 150.000.000 đồng, anh L là người trực tiếp viết, ký tên vào giấy mượn tiền và hẹn 01 tháng sẽ trả số tiền trên. Khi mượn hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Từ khi vay đến nay anh L chưa trả số tiền trên cho chị T mặc dù chị T đã nhiều lần yêu cầu anh L trả nợ. Nay chị T yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ trả cho chị một lần số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

[2.1] Xét thấy: Hợp đồng vay giữa chị Nguyễn Thị T và anh Châu Đình L là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Từ khi vay đến nay anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của chị T, như vậy anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L để làm việc nhưng anh L không đến. Ngày 03/3/2022 chị T có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh Châu Đình L tại giấy mượn tiền ngày 24/10/2019.Tại kết luận giám định số 261/KL-KTHS ngày 29/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định kết luận: *Chữ ký, chữ viết đứng tên "Châu Đình L" ở mục "Người mượn tiền", "Người mượn" ở mặt trước mẫu cần giám định ký hiệu A; chữ ký, chữ viết đứng tên "Châu Đình L" ở mục "Người mượn tiền" ở mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Châu Đình L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký và viết ra*. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu anh L trả một lần tiền gốc 150.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Tại giấy mượn tiền ngày 24/10/2019 các bên không thỏa thuận về lãi suất. Do anh L vi phạm nghĩa vụ và thời gian trả nợ nên buộc anh anh L phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 28/4/2020 đến ngày 28/9/2022 là 29 tháng)

150.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 29 tháng = 36.105.000 đồng

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc anh Châu Đình L phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 186.105.000 đồng (trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 36.105.000 đồng).

[3] Về chi phí tố tụng: Anh Châu Đình L phải chịu 5.100.000 đồng chi phí giám định. Chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng 5.100.000 đồng nên anh Châu Đình L phải hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng 5.100.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; anh L phải chịu 186.105.000 đồng x 5% = 9.305.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 161, Điều 162, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Châu Đình L phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 186.105.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 36.105.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Châu Đình L phải chịu 5.100.000 đồng chi phí giám định. Chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng 5.100.000 đồng nên anh Châu Đình L phải hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng 5.100.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Anh Châu Đình L phải chịu 9.305.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002422 ngày 27 tháng 4 năm 2021 và 560.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003045 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khổng Lan Hương